

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2025
Về việc “Tranh chấp giao dịch
dân sự về tiền phường, họ”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn;
2. Bà Phạm Thị Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2025/TLST- DS ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là số 158/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về tiền phường, họ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị D, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh). (Bà D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Đồng bị đơn:**

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969;

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

(Ông S và bà M đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh). (Ông C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là bà Đinh Thị D trình bày:

Bà có quan hệ cùng xã với ông S, bà M. Khoảng tháng 1/2022 thấy nhiều người cùng xã có nói chuyện về việc tham gia phường ở nhà ông bà S- Mơ nên thì bà có đến nhà ông S, bà M hỏi về việc tham gia chơi phường. Bà và ông S- bà M có thỏa thuận là bà tham gia phường A, phường B, phường C, phường D. Về cách thức tham gia, số tiền đóng phường của mỗi phường đều giống nhau, mỗi phường gồm 24 suất tham gia, mỗi người tham gia phường thì sẽ đóng 5.000.000 đồng / tháng/ suất, quay vòng lấy phường lần lượt hết 24 suất. Ngoài ra còn thỏa thuận về việc phần trăm của tiền đóng phường cụ thể là: mỗi người tham gia phường khi lấy sau thì sẽ được nhận tiền phường đã đóng và 10% số tiền đóng phường là tiền phần trăm nhân với số lượt lấy, trừ đi 1.000.000 đồng/ suất cho chủ phường. Các bên chỉ thỏa thuận các nội dung trên bằng miệng không bằng văn bản. Các phường chỉ khác nhau về thời gian mở phường và thời gian kết thúc phường, cụ thể:

Phường A (từ tháng 01/2022 đến tháng 10/2023 âm lịch, bà không nhớ ngày cụ thể): Bà đóng 5.000.000 đồng /tháng/ suất, bà đã đóng 23 tháng (vì năm 2023 có hai tháng 2 âm lịch), tổng cộng bà đã đóng số tiền là 115.000.000 đồng. Ngày 20/11/2023 đến lượt bà lấy phường. Lẽ ra bà được lấy tổng số tiền là 115.000.000 đồng tiền gốc đã đóng và được nhận thêm 23.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 138.000.000 đồng. Tuy nhiên ông S, bà M báo là vỡ nợ nên bà chưa được lấy phường nên bà cũng không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Phường 2 (từ tháng 9/2022 đến tháng 10/2023 âm lịch, bà không nhớ ngày cụ thể): Bà đóng 5.000.000 đồng /tháng/ suất, bà đã đóng 15 tháng (vì năm 2023 có hai tháng 2 âm lịch), tổng cộng bà đã đóng số tiền là 75.000.000 đồng, chưa đến lượt lấy phường của bà thì ông S, bà M báo vỡ nợ nên bà chưa được lấy tiền phường. Lẽ ra đến lượt bà lấy phường thì bà được nhận 75.000.000 đồng tiền gốc đã đóng và được nhận thêm 15.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 90.000.000 đồng. Bà chưa được lấy phường nên bà không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Phường C (tính từ tháng 2/2023 đến tháng 10/2023 âm lịch, bà không nhớ ngày cụ thể): Bà đóng 5.000.000 đồng / tháng/ suất, bà đã đóng 10 tháng (vì năm 2023 có hai tháng 2 âm lịch), tổng cộng bà đã đóng số tiền 50.000.000 đồng, chưa đến lượt lấy của bà thì ông S, bà M báo vỡ nợ nên bà chưa được lấy tiền phường. Lẽ ra đến lượt bà lấy phường thì bà được nhận 50.000.000 đồng tiền gốc đã đóng và được nhận thêm 10.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 60.000.000 đồng. Bà chưa được lấy phường nên bà không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Phường 4 (tính từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023 âm lịch, bà không nhớ ngày cụ thể): Bà đóng 5.000.000 đồng/tháng/suất, bà đã đóng 5 tháng, tổng cộng bà đã đóng 25.000.000 đồng, chưa đến lượt lấy của bà thì ông S, bà M báo vỡ nợ nên bà chưa được lấy tiền phường. Lẽ ra đến lượt bà lấy phường thì bà được nhận 25.000.000 đồng tiền gốc đã đóng và được nhận thêm 5.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 30.000.000 đồng. Bà chưa được lấy phường nên bà không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Tổng cộng ông S, bà M còn nợ bà 265.000.000 đồng tiền gốc và 53.000.000 đồng tiền phần trăm.

Sau khi bà đòi nhiều lần, ông S, bà M đã trả bà số tiền 205.000.000 đồng tiền gốc cụ thể như sau:

- Ngày 31/12/2023: ông S, bà M trả bà 114.000.000 đồng tiền gốc. Bà có ký vào cột người chơi phường ký tên xác nhận, bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

- Ngày 3/01/2024: ông S, bà M trả bà 45.000.000 tiền gốc. Bà có ký vào cột người chơi phường ký tên xác nhận, bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

- Ngày 3/01/2024: ông S, bà M trả bà 12.000.000 đồng tiền gốc. Bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

- Ngày 8/3/2024: ông S, bà M trả bà 34.000.000 đồng tiền gốc. Bà có ký vào cột người chơi phường ký tên xác nhận, bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

Sau đó bà M có viết “*Hẹn 30-5 âm -2024 trả tiếp*”. Nội dung này được thể hiện tại Giấy trả nợ tiền phường do bà M ký nhận. Tuy nhiên từ đó đến nay bà đã đòi nhiều lần nhưng ông S- bà M không trả bà tiền. Mặc dù chỉ có bà M ký vào giấy nhận nợ với bà, nhưng khi ông đóng tiền phường là có khi ông S, có khi bà M nhận và ký vào sổ của bà nhưng hiện nay bà không còn sổ theo dõi của bà để xuất trình cho Tòa án, bà chỉ có Giấy trả nợ tiền phường do bà M ký nhận và giao cho bà. Bà chỉ biết đóng tiền phường cho chủ phường là bà M - ông S, còn bà không biết người cùng tham gia còn lại trong phường là ai. Tòa án yêu cầu bà cung cấp tên, tuổi, địa chỉ những người tham gia các dây phường do bà tham gia thì bà không cung cấp được và bà chỉ làm ăn với bà M, hiện nay những người đó ở đâu, làm gì bà không biết để cung cấp cho Tòa án. Tiền mà ông đóng tiền phường là tiền tích góp riêng của bà nhiều năm, chồng bà là ông Trịnh Văn C, sinh năm 1967 không biết, không liên quan việc bà đóng phường.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông S, bà M phải trả bà 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) tiền phường còn nợ, không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Đinh Thị D là người cùng tổ dân phố với bà, bà là chủ phường các suất phường mà bà D đã tham gia chơi. Bà không hô hào mà bà D tự nguyện đến nhà gặp trực tiếp bà là chủ phường với nguyện vọng tham gia chơi. Bà xác nhận các nội dung: Tổng số tiền phường mà bà D đã đóng cho bà là 265.000.000 đồng vào năm 2022 và 2023. Tổng số lần bà đã thanh toán tiền phường cho bà D là 04 lần gồm: Lần 01 thanh toán vào ngày 31/12/2023 là: 114.000.000 đồng; Lần 02 và lần 03 thanh toán vào ngày 03/01/2024 là: 57.000.000 đồng gồm 02 mã: 45.000.000 đồng và 12.000.000 đồng; Lần 04 thanh toán vào ngày 08/3/2024 là: 34.000.000 đồng.

Đối chiếu với Giấy trả nợ tiền phường số 23 được lập thành 02 (hai) bản gốc giống nhau có giá trị pháp lý như nhau, trong đó bà đang lưu giữ 01 (một) bản gốc đồng thời bà giao cho bà Đinh Thị D giữ 01 (một) bản gốc (đây là bản mà bà D đã gửi cho Tòa án) thể hiện chủ phường là Nguyễn Thị M, người chơi phường là bà Đinh Thị D đều có ký tá, xác nhận giữa hai bên (bà và bà D) thì những nội dung trong đơn khởi kiện của bà D ngày 29/5/2025 đều trùng khớp về số tiền phường bà

D đã đóng, số tiền chủ phường đã thanh toán và số tiền chủ phường còn nợ lại là: 60.000.000 đồng. Bà thừa nhận đến thời điểm hiện tại, bà chủ phường - Nguyễn Thị M đang nợ bà Đinh Thị D số tiền phường là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Bản thân bà không hề cố tình lãng tránh hay không có ý thức trả nợ bà D số tiền phường còn nợ nêu trên. Bà sẽ cố gắng thu xếp hoàn trả dần cho bà D số tiền phường còn nợ nêu trên trong thời gian sớm nhất.

Bà không đồng ý việc bà Đinh Thị D yêu cầu Toà án buộc chồng bà có nghĩa vụ trả bà D số tiền phường còn nợ vì đây là việc làm ăn riêng của bà, do một mình bà thực hiện, chồng bà - ông Nguyễn Thanh S không liên quan, không có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một mình bà thực hiện. Chồng bà không hề hay biết việc bà D và bà thỏa thuận về việc chơi phường như thế nào, việc này do bà và bà D tự thỏa thuận, tự xác lập giao kết với nhau. Mọi giao dịch ký kết liên quan đến việc chơi và lấy tiền phường từ khi bà là chủ phường, chỉ một mình bà ký xác nhận. Trong quá trình bà D đóng phường, nhiều khi bà không có nhà hoặc bận việc riêng, bà đã nhờ chồng bà cầm hộ, nhận hộ tiền phường, sau đó chồng bà đã trao trả đầy đủ toàn bộ số tiền phường đã nhận của bà D cho bà.

Tòa án yêu cầu bà cung cấp tên, tuổi, địa chỉ những người tham gia các dây phường do bà làm chủ phường đang có tranh chấp thì bà không cung cấp được vì hiện nay những người đó ở đâu, làm gì bà không biết để cung cấp cho Tòa án.

Hiện tại sức khỏe của bà không được tốt, bà đang phải điều trị bệnh tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh B, quá trình điều trị của bà lâu dài, theo từng đợt theo phác đồ điều trị của bác sĩ. Do đó bà xin phép được vắng mặt tại phiên tòa giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là việc làm ăn riêng của vợ ông, do một mình vợ ông thực hiện. Bà Đinh Thị D là cùng tổ dân phố C1 với vợ chồng ông. Việc bà D là người chơi phường do vợ ông là chủ phường chơi như thế nào ông không biết. Tất cả mọi giao dịch ký kết liên quan đến việc chơi và lấy tiền phường giữa vợ ông là chủ phường và bà Đinh Thị D chỉ có một mình vợ ông ký xác nhận. Ông chỉ nhận hộ, cầm hộ tiền phường của bà D đóng cho chủ phường là vợ ông khi vợ ông không có nhà, bận việc riêng và ông đã bàn giao đủ cho vợ ông toàn bộ số tiền đó chứ ông không chiếm hữu, không sử dụng vào mục đích cá nhân hay vì nhu cầu thiết yếu của gia đình. Số tiền thu được hay khoản lợi có được từ việc cầm phường do vợ ông là chủ phường không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông. Chính vì vậy, ông không có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một mình vợ ông thực hiện, ông không có nghĩa vụ và không có trách nhiệm đối với khoản nợ riêng của vợ ông với bà Đinh Thị D. Ông xin phép vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc của Tòa án gồm lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn C trình bày:

Ông là chồng của bà Đinh Thị D. Việc vợ ông tham gia đóng phường với ông S, bà M thì ông không hề biết. Số tiền bà D đóng phường là tiền riêng của vợ ông, ông không liên quan nên không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 10/7/2025 nguyên đơn bà Đinh Thị D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh S phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả bà số tiền phưởng còn nợ. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 10/7/2025, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về nội dung trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217, 271, 273, 227, 228, 244 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D về việc buộc ông Nguyễn Thanh S phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả nguyên đơn bà Đinh Thị D tiền phưởng còn nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả nguyên đơn bà Đinh Thị D số tiền phưởng còn nợ là 60.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đinh Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự: Tại đơn khởi kiện ban đầu, bà Đinh Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị M phải trả tiền phưởng còn nợ. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong giao dịch dân sự về tiền phưởng, các bên không tự giải quyết được nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp giao dịch dân sự về tiền phưởng, họ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và

Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà Đinh Thị D là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị M là đồng bị đơn, ông Trịnh Văn C - chồng bà Đinh Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn là bà Đinh Thị D yêu cầu ông Nguyễn Thanh S và bà Nguyễn Thị M phải liên đới trả bà số tiền 60.000.000 đồng là tiền phường còn nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đinh Thị D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh S phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền phường còn nợ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh S phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả nguyên đơn tiền phường còn nợ.

[4.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị D về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả 60.000.000 đồng tiền phường còn nợ, Hội đồng xét xử thấy:

[4.2.1] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là bản gốc *Giấy trả nợ tiền phường số 23* đã xuất trình cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M xuất trình 01 *Giấy trả nợ tiền phường số 23*. Các *Giấy trả nợ tiền phường* do các bên xuất trình đều có mã số giống nhau, đều thể hiện các nội dung chủ phường N; người chơi phường bà Đinh Thị D; có chữ ký của bà D và bà M; tính đến ngày 8/3/2024 là lần chốt nợ cuối cùng thì bà Nguyễn Thị M - chủ phường còn nợ bà D số tiền 60.000.000 đồng. Các *Giấy trả nợ tiền phường* nêu trên đều được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên đủ điều kiện là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai thừa nhận việc bà D và bà M thỏa thuận chơi phường là có thật, các bên tham gia chơi phường là tự nguyện. Bà D đã tham gia 4 phường của bà M gồm phường A, phường B, phường C, phường D; mỗi phường gồm 24 suất, mỗi người chơi phường phải đóng 5.000.000 đồng/tháng/suất. Bà D đã đóng tổng cộng 4 phường là 265.000.000 đồng. Bà D đã được bà M thanh toán một phần tiền phường gốc là 205.000.000 đồng, chưa được thanh toán lãi. Trong *Giấy trả nợ tiền phường số 23* ghi số tiền phường bà M còn nợ bà D là 60.000.000 đồng, nguyên đơn- bà D và bà M - bị đơn cũng đều xác nhận số tiền phường (gốc) bà M còn nợ bà D là

60.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2.3] Việc bà M (chủ phường) không trả bà D (người chơi phường) số tiền 60.000.000 đồng tiền phường (gốc) còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của chủ phường theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D, buộc bà Nguyễn Thị M phải trả nguyên đơn bà Đinh Thị D số tiền phường còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $5\% \times 60.000.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu đồng).

Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đinh Thị D số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002899 ngày 11/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 274; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15; Điều 18; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D về việc buộc ông Nguyễn Thanh S liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả nguyên đơn bà Đinh Thị D số tiền phường còn nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị D về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả nguyên đơn bà Đinh Thị D số tiền phưởng còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đinh Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Đinh Thị D số tiền tạm ứng án phí 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002899 ngày 11/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoa